

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

LÊ DUẨN VÀ THẾ GIỚI TÔN GIÁO

ĐỖ QUANG HÙNG^(*)

Nhập đề

Phải nói rằng, di sản về tư tưởng lý luận của những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo không nhiều. Người viết bài này đã từng đề cập vấn đề *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng* (1996). Đồng thời, chúng tôi cũng đã chứng minh rằng, Hồ Chí Minh còn là người đặt *nền móng cho luật pháp tôn giáo ở nước ta*, nói cách khác, là người xác lập *mô hình nhà nước thế tục ở Việt Nam*, ít nhất từ năm 1955.

Theo lối “lịch sử tư tưởng”, chúng tôi cũng đã cố gắng tìm hiểu di sản này, ngoài Hồ Chí Minh, đó là những đóng góp của các nhân vật như Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Nguyễn Văn Nguyễn... và cả những nhân vật như Nguyễn An Ninh, Đào Duy Anh.

Nghiên cứu này của chúng tôi được dành cho đồng chí Lê Duẩn, một trong những học trò xuất sắc nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người được coi là một trong những bộ óc lý luận của Đảng ta. Xin nói ngay rằng, Lê Duẩn không có một tác phẩm riêng nào về tôn giáo như trường hợp của nhiều đồng chí kể trên, nhưng những ý kiến của đồng chí về vấn đề này lại có một nét độc đáo riêng về một “thế giới tôn giáo”, điều mà những người cộng sản đương thời không dễ gì tiếp cận và thể hiện những ý kiến riêng của mình...

1. Lê Duẩn và “vấn đề tôn giáo Nam Bộ”

Cuộc đời chính trị của Lê Duẩn, dĩ nhiên trước hết gắn bó với Nam Bộ, đặc biệt từ khi trở thành Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ (1937), Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng (1939). Đặc biệt trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Lê Duẩn không chỉ là nhân vật chủ chốt trong lãnh đạo của Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ mà còn có thể coi là một trong những nhân vật chính trị xuất sắc nhất của Đảng ta ở Nam Bộ, trước khi ông trở thành Tổng Bí thư của Đảng ta năm 1960...

Chúng ta cũng biết rằng, vấn đề tôn giáo ở Nam Bộ, ngay trong quá trình vận động Cách mạng tháng Tám 1945 đã trở nên một trong những vấn đề thách đố với sự lãnh đạo của Xứ ủy, của Đảng ta nói chung. Khác hẳn với tình hình ở Bắc và Trung Kỳ, tôn giáo xứ Nam Kỳ đã nổi lên như một vấn đề chính trị xã hội quan trọng. Nam Bộ từ nửa cuối thế kỷ XIX là mảnh đất tốt nảy sinh phong trào “các ông Đạo”, kể cả các hình thức *Hội kín*. Dần dần những phong trào “Cứu thế luận” như thế đã nảy sinh những *tôn giáo mới thực sự* như đạo Cao Đài (1926), Phật giáo Hòa Hảo (1938)...

Chính vì thế, ngay giai đoạn Đảng ta mới ra đời, tại Nam Bộ vẫn có nhiều

^{*}. GS.TS., Đại học Quốc gia Hà Nội.

phong trào chính trị có những mối quan hệ khác nhau với tôn giáo. Trường hợp chí sĩ, linh hồn của phong trào yêu nước ở Nam Bộ trong thập niên 20 là Nguyễn An Ninh cũng đã từng phải “thể hiện thái độ” với vấn đề tôn giáo. Chính Nguyễn An Ninh là người đầu tiên giới thiệu những quan điểm của Mác về tôn giáo, trong đó có câu nổi tiếng “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”, với một nhận thức cập nhật⁽¹⁾.

Nguyễn Văn Nguyễn trong tác phẩm *Thái độ của chúng ta đối với các tôn giáo* (1952), một tác phẩm hiếm có thể hiện tầm nhìn sâu sắc, mới mẻ của những người Mác xít Nam Bộ về vấn đề tôn giáo. Sự phân tích của ông về những nguyên nhân chính trị, xã hội, văn hóa, tâm lí, cũng như những vấn đề liên quan đến kháng chiến và tôn giáo tỏ ra đầy đủ và sâu sắc hơn. Để trả lời một trong những “câu hỏi then chốt”: “Tại sao Nam Bộ có rất nhiều tôn giáo?”, Nguyễn Văn Nguyễn đã có sự phân tích toàn diện bối cảnh của câu chuyện tôn giáo ở Nam Bộ, nhất là từ phía nhu cầu tâm linh của những nông dân lưu tán. Đồng thời, Nguyễn Văn Nguyễn cũng là người Mác xít đầu tiên ở Nam Bộ vận dụng lí thuyết xã hội học tôn giáo của Mác - Lênin một cách đầy đủ và thực tiễn khi chỉ ra Đảng cần phải khắc phục những quan điểm tả khuynh còn rơi rớt, đồng thời khẳng định nguyên tắc cơ bản là “nguyên tắc chung thủy, tôn trọng tự do tín ngưỡng để đoàn kết vĩnh viễn các tôn giáo”⁽²⁾.

Chúng ta cũng biết rằng, trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Nam Bộ lúc đó, một mặt cũng chịu những tác động tâm lí mạnh mẽ trước những sự kiện chính trị tôn giáo ở chiến trường Bắc Bộ, khi thực

dân Pháp đã nhảy dù xuống Phát Diệm (1949) và cùng với các thế lực phản động trong Công giáo biến khu vực này thành cứ điểm chống Cộng quyết liệt; mặt khác, trong nhận thức, những di căn của tư tưởng tả khuynh trong vấn đề tôn giáo vẫn còn khá nặng nề. Chúng tôi cũng đã tạm khái quát khuynh hướng tai hại này trong các nước xã hội chủ nghĩa, ít nhất từ sau năm 1945, lối ứng xử với tôn giáo cơ bản theo công thức: *thứ nhất*, vì tôn giáo là duy tâm nên phải xóa bỏ; *thứ hai*, vì tôn giáo là mê tín nên phải xóa bỏ và, *thứ ba*, vì tôn giáo là chính trị nên phải xóa bỏ.

Ở Nam Bộ, ảnh hưởng của tư tưởng này thực ra đã được Lê Hồng Phong phát hiện ngay khi chưa về nước. Một tài liệu quý báu mà chúng tôi phát hiện trong kho lưu trữ của Quốc tế Cộng sản, cho thấy đồng chí đã phê bình rất đúng tư tưởng của nhiều đồng chí trong Xứ ủy Nam Kỳ đầu những năm 1930 khi cho rằng, xứ Nam Kỳ: “có ít người theo đạo Kitô nhưng những tín đồ của tôn giáo này phần lớn lại đi theo chủ nghĩa đế quốc”. Và ông nhận xét ngay: “điều đó hoàn toàn không đúng”. Một bình luận khác của Lê Hồng Phong về quan điểm của Xứ ủy Nam Kỳ: “Nếu không tiêu diệt tôn giáo trong quần chúng thì cách mạng không thể thắng lợi được” là “khẩu hiệu này sai lầm tận gốc”⁽³⁾.

1. Xem Đỗ Quang Hưng: “*Bước khởi đầu của sự du nhập quan điểm Mác xít về tôn giáo vào Việt Nam: Trường hợp Nguyễn An Ninh*” trong cuốn *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam: lí luận và thực tiễn*, Nxb. Lí luận chính trị, HN, 2008, tr.141 – 160.

2. Xem Đỗ Quang Hưng, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Nguyễn bàn về tôn giáo, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2008, tr.134-137.

3. Xem: Đỗ Quang Hưng, Lê Hồng Phong và vấn đề tôn giáo, trong cuốn *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam...*, sđd, tr.182.

Thời điểm mà chúng ta đang đề cập, ở Nam Bộ thì những vấn đề tôn giáo và kháng chiến lại có những biểu hiện phức tạp khác. Nhiều tôn giáo, trước hết trong Cao Đài và Hòa Hảo, những hoạt động quân sự của những người cầm đầu các tôn giáo này từ sau năm 1950 ngày càng gây thêm những khó khăn cho lực lượng kháng chiến...

2. Lê Duẩn quan tâm đến vấn đề tôn giáo Nam Bộ từ lúc nào?

Là người lãnh đạo Xứ ủy, nhưng cũng là người có khuynh hướng lí luận, từ rất sớm Lê Duẩn đã có những suy nghĩ về những vấn đề có tính gốc rễ xã hội của câu chuyện tôn giáo ở Nam Bộ, tương tự như Nguyễn Văn Nguyễn. Có điều, ông có điều kiện đi sâu một cách bao quát và căn bản hơn. Có lẽ cuốn sách nổi tiếng *Vấn đề nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ* vốn được viết ngay ở chiến trường Nam Bộ chứa đựng những ý kiến đầu tiên. Nếu như cách phân tích của Nguyễn Văn Nguyễn có khuynh hướng thiên về “tâm lí chính trị” của giai cấp địa chủ, tư sản ở Nam Bộ liên quan đến vấn đề tôn giáo, thì Lê Duẩn lại quan tâm từ góc độ lợi ích kinh tế, trước hết là ruộng đất. Chính vì thế, trong tác phẩm này, Lê Duẩn đã phân tích thái độ chính trị của những nhân vật như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh (Bắc Bộ), thì tương tự ở Nam Bộ là những đại địa chủ như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Văn Khá hoặc những nhân vật chính trị - tôn giáo trong Cao Đài. Ông viết: “cũng có một số địa chủ khác không được hưởng đặc quyền đặc lợi, muốn chống lại thực dân Pháp như bọn cầm đầu đạo Cao Đài ở Nam Bộ đã dùng một hình thức phản đế theo cung cách phong kiến và mang màu

sắc thần bí để mê hoặc lôi kéo nông dân, và nông dân ở một số vùng đi với họ để mong chống lại đế quốc Pháp”⁽⁴⁾.

Trong tác phẩm chính trị nổi tiếng khác, *Đề cương cách mạng Miền Nam* (tháng 8 năm 1956), Lê Duẩn khi đề cập đến những vấn đề chung của cách mạng Miền Nam ở thời điểm gay go nhất của cuộc *Chiến tranh đơn phương*, khi coi đấu tranh chính trị là cơ bản, ông đã coi nhiệm vụ “tăng cường đoàn kết với các tôn giáo: đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo” cũng tương đương với các nhiệm vụ chính trị trong các lực lượng xã hội khác ở Miền Nam. Ông viết: “Trong công tác mặt trận chúng ta đã thu được những thành tựu đáng kể về việc vận động tín đồ các tôn giáo tham gia kháng chiến, kiến quốc, những đồng thời cũng phạm một số khuyết điểm. Chúng ta cần tổng kết kinh nghiệm vận động đối với từng tôn giáo, để làm tốt hơn nữa công tác mặt trận, thắt chặt đoàn kết với các tôn giáo, đoàn kết cả ở bên dưới và bên trên, lấy việc đoàn kết ở bên dưới làm căn bản, nhằm lôi cuốn các tín đồ tham gia ngày càng mạnh vào cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm”⁽⁵⁾.

Trong giọng văn của *Đề cương*, những dòng chữ này mang đậm tính cách ngôn ngữ chính trị, có vẻ “trung tính”, nhưng thực tế là một sự đúc kết kinh nghiệm xương máu của Xứ ủy Nam Kỳ trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. Sau khi *Đề cương cách mạng Miền Nam* được triển khai trong thực tiễn cách mạng, nhất là sau *Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III* (9/1960), thì những ý tưởng đó của

4. Xem: *Lê Duẩn tuyển tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2007, tr.56.

5. Xem: *Lê Duẩn tuyển tập*, tập 1, sđd, tr.153.

Lê Duẩn đã được thực hiện từng bước. Khảo sát các văn bản, người ta thấy bắt đầu xuất hiện những cụm từ *Chính sách Cao Đài vận*; *Chính sách Hòa Hảo vận*; đương nhiên là cả *Chính sách Công giáo vận*...

Chúng ta cũng biết rằng tại chiến trường Nam Bộ, tuy không có hiện tượng Công giáo ngang nhiên lập khu tự trị, rào làng chiến đấu chống cộng sản kiểu Phát Diệm, nhưng vấn đề Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên lại rất nổi cộm, phản ánh tranh chấp quyết liệt giữa chính phủ kháng chiến và các lực lượng thực dân, đế quốc.

Trong bản *Báo cáo tình hình chung ở Nam Bộ*, khi nói về *tính chất chung và một vài đặc điểm của cuộc cách mạng giải phóng ở Nam Bộ*, Lê Duẩn có những nhận định hết sức sắc sảo và những ý tưởng quan trọng về sự hình thành những chính sách tôn giáo cụ thể ở Nam Bộ.

Với vấn đề Công giáo, từ chỗ nhận định: “Công giáo ở Nam Bộ có vài đặc điểm khác hơn Công giáo ở Trung – Bắc. Ở Trung và Bắc thực dân đưa vào Công giáo để coi chừng bọn Bảo hoàng phong kiến, đặt cho Công giáo một vài quyền lợi. Ở Nam Bộ, thực dân Pháp dựa vào một số thượng lưu tư sản địa chủ, không cần đến Công giáo nhiều. Hơn nữa ở Nam Bộ có hai bộ phận: bộ phận Cao - miên và bộ phận Sài - gòn, bộ phận Cao - miên bị khinh rẻ, và Hậu Giang thuộc về bộ phận Cao - miên nên một số cha ở Hậu Giang cách mạng nhiều. Sự phân chia giữa hai bộ phận Vĩnh Long Đức Cha Ngô Đình Thục và Sài - gòn, làm bộc lộ tinh thần dân tộc trong Công giáo. Những việc ấy làm cho Công giáo kháng chiến mạnh mẽ thêm”⁽⁶⁾, Lê Duẩn đã đi đến nhận định

rất táo bạo: “Hiện giờ, giặc Pháp đương tổ chức bộ đội Công giáo, nhưng chúng không thể thi hành được như với Cao Đài và Hòa Hảo... vấn đề Công giáo ở Nam Bộ không đáng lo lắm”⁽⁷⁾.

Ý kiến của Lê Duẩn về vấn đề Cao Đài còn chứa đựng những phân tích cụ thể và sâu sắc hơn. Là người trực tiếp lãnh đạo Xứ ủy, trực tiếp đối mặt với những sự kiện phức tạp của tôn giáo này trong quan hệ với cách mạng, với thực dân Pháp và những đảng phái phản động khác, những nhận định của Lê Duẩn về nội bộ các giáo phái Cao Đài thật hết sức sâu sắc. Ông cho rằng khi *Cao Đài Tây Ninh* đã bị các thủ lĩnh chính trị phản động dẫn dắt thì “cái hố sâu giữa Cao Đài Tây Ninh và Việt Minh” vẫn tồn tại. Nhưng bản thân Cao Đài Tây Ninh cũng đã ở thời điểm phân hóa cao độ giữa “phái tu hành” với “phái quân sự”. Mặc dù cả hai phái này đều ảo tưởng về Quốc trưởng Bảo Đại, nhưng sức đi lên của cuộc kháng chiến cũng khiến họ phải “lùng chừng”. Vì thế, Lê Duẩn đã phác họa *Chính sách Cao Đài vận* như sau: “chính sách của chúng ta đối với Cao Đài phản động Tây Ninh căn cứ vào những điểm sau: dân chúng Cao Đài (trừ bốn lãnh tụ) vẫn có lòng ghét Tây, sự mâu thuẫn nội bộ giữa bọn lãnh đạo tôn giáo và quân sự khiến chúng ta *phải mở cho*

6. Khi đồng chí Lê Duẩn dùng chữ “bộ phận Công giáo Cao - miên và Sài - gòn” ta nên hiểu đó là tên các địa phận. Trước năm 1954, bộ phận Công giáo Campuchia còn phụ thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam, dù rằng lúc đó Tòa Thánh vẫn chỉ đặt chế độ “đại diện Tông tòa”. Đến năm 1960, Giáo hội Công giáo Việt Nam mới thật sự được “độc lập”, do hàng giáo phẩm Việt Nam tự cai quản.

7. Xem: *Báo cáo tình hình chung ở Nam Bộ*, Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng, bản đánh máy, tr. 5-6.

họ một con đường ra (ĐQH nhấn mạnh), nhưng luôn luôn phải coi chừng sự phản phục của họ, cần lôi cuốn những người có uy tín, trí thức địa chủ trong đạo và ngoài đạo có cảm tình với ta, thúc giục khuyến khích họ trở về với kháng chiến. Cao Đài trở về với kháng chiến là bớt đổ máu cho đồng bào. Một cơ quan, một chính sách tài chính và cán bộ để nguy vận trong giới Cao Đài phải được giải quyết”⁽⁸⁾.

Những ý kiến nói trên của Lê Duẩn đã được thực tiễn kháng chiến và công tác “Cao Đài vận” tại Nam Bộ chứng thực cho những giá trị của nó, thậm chí điều này còn có giá trị sau Hiệp định Giơnevơ (7/1954), đất nước chia cắt, cách mạng Miền Nam tạm thoái trào khi chế độ Ngô Đình Diệm thực hiện cuộc *Chiến tranh đơn phương*. Vượt qua những khó khăn trong những năm đó, Đảng ta đã dần lấy lại được vị trí của mình, trước hết là mối liên hệ chặt chẽ với những tín hữu yêu nước của các hệ phái Cao Đài, chủ yếu thuộc lực lượng Cao Đài của Phối sư Cao Triều Phát, vốn đã “tuyên thệ trung thành với chính phủ Hồ Chí Minh và cương quyết tranh đấu cho nền độc lập và thống nhất của tổ quốc”⁽⁹⁾.

Tương tự như vậy với vấn đề Hòa Hảo. Trong một chừng mực nào đó, vấn đề Hòa Hảo còn gắn bó mật thiết hơn với những biến diễn phức tạp của cuộc chiến tranh du kích thuộc khu vực Tứ giác Long Xuyên những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Sự lợi dụng đạo Hòa Hảo vào những mục tiêu chính trị, quân sự của thực dân Pháp cũng đem lại những bất lợi to lớn cho kháng chiến: các thủ lĩnh chính trị và quân sự của một tôn giáo vốn không có

giáo hội, không có giới chức sắc đúng nghĩa, tôn giáo của những người nông dân lưu tán Nam Bộ lại trở thành một tôn giáo với những lực lượng quân sự phủ kín các thành phần dân cư nông thôn nhiều tỉnh ở Nam Bộ...

Lê Duẩn cũng đã có những đánh giá hết sức giá trị về Hòa Hảo những năm ấy. Ông chỉ rõ đặc tính chính trị cơ hội phản động của nhiều tướng lĩnh cầm đầu quân đội Hòa Hảo: “chúng cát cứ thành nhiều nhóm, bọn cầm đầu có người ‘theo cả Đại Việt lẫn Troskyste’, chúng đầu hàng ta rồi lại đánh ta”... Hơn thế nữa, yếu tố mê tín là đặc thù mà các thủ lĩnh phản động Hòa Hảo triệt để lợi dụng (“Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ sẽ trở về...”). Khi so sánh nhóm thủ lĩnh của Cao Đài và Hòa Hảo, bên cạnh điểm giống nhau là “đều muốn phân chia lãnh vực, tạo nên những khu quốc gia riêng”, thì Lê Duẩn cũng đã rút ra được một nhận xét quan trọng khác “Pháp tin Cao Đài nhiều hơn Hòa Hảo”⁽¹⁰⁾.

Từ những phân tích sát hợp và chắc chắn như vậy, Lê Duẩn đã “phác họa” *Chính sách Hòa Hảo vận* như sau: “chủ trương của ta đối với dân chúng Hòa Hảo phải hết sức nhẫn nại, hết sức kiên nhẫn, dầu họ phản phục năm bảy lượt cũng cần tha thứ, nhưng đối với bọn có vũ khí phải tìm đủ cơ hội để tiêu diệt cho được.

8. Xem: *Báo cáo tình hình chung Nam Bộ*, tldđ, tr. 26-27.

9. *Phong trào thống nhất Quốc gia Việt Nam ở Nam Bộ*, báo *Sự thật*, số 29, 27/10/1946.

10. Xem: *Báo cáo tình hình chung Nam Bộ*, tldđ, tr.28. Lê Duẩn còn đưa ra luận lí: Cao Đài “có tổ chức đảng hoàng hơn, trong khi Hòa Hảo lại chia mảnh từng bộ phận một”. Lê Duẩn cũng rất đúng khi rút ra hệ luận “với vấn đề Hòa Hảo, chỉ khi nào ta giải quyết được vấn đề đất đai, thì chúng ta mới thực sự lôi kéo họ trở về với kháng chiến”.

Chủ trương này không được thi hành đầy đủ nên đã bỏ mất một vài cơ hội để tiêu diệt chúng. Trong lúc Pháp muốn trở lại mặt trận Việt Bắc, chúng đã cho Hòa Hảo quấy rối Nam Bộ trong khu Tháp Mười. Bộ đội Hòa Hảo trong đồn Pháp đốt đồn kéo về tụ họp nhau, nhưng bị ta đánh tan, kế hoạch ấy bị thất bại⁽¹¹⁾.

Ngoài những ý kiến về các tôn giáo nói trên, Lê Duẩn cũng có quan tâm nhất định đến vấn đề “*Phật giáo cứu quốc*” và *đạo Tin Lành Nam Bộ*. Lê dĩ nhiên, đây không phải mối bận tâm chủ yếu của ông lúc đó. Nhưng ông cũng có những nhận xét ngắn gọn, nhưng vẫn bộc lộ nét sắc sảo rất Lê Duẩn. Chẳng hạn, với vấn đề Phật giáo, theo ông, ở Nam Bộ then chốt vấn đề là phải tăng cường tối đa phương cách “tự do tôn giáo tín ngưỡng nhưng phải vào trong tổ chức kháng chiến”. Với Tin Lành thì phải ngăn chặn việc một số thủ lĩnh của đạo này lôi kéo đồng bào kháng chiến bằng khẩu hiệu “vào Tin Lành, Tây không bỏ”...

Một tư liệu quý cho thấy, vai trò to lớn của Lê Duẩn trong sự hình thành và triển khai *Chính sách Hòa Hảo vận*, ở những thời điểm cam go nhất. Theo *Hồi ký* của đồng chí Mười Trí, người có nhiều đóng góp trong công tác này của Đảng trong cộng đồng Phật giáo Hòa Hảo ở thời điểm quyết liệt nhất, giai đoạn 1959 - 1963 cho biết: Chính đồng chí Lê Duẩn là người đã có những ý kiến chỉ đạo, rút kinh nghiệm những thiếu sót trong chính sách của Xứ ủy Nam Kỳ cuối kháng chiến chống Pháp và của Trung ương cục Miền Nam những năm đầu đất nước chia cắt. Quyết định sáng suốt kịp thời của Tổng Bí thư Lê Duẩn ở thời điểm đó khi cử đồng chí Mười Trí quay trở lại

chiến trường Nam Bộ, dần dần làm thay đổi cục diện của phong trào yêu nước chống Mỹ - Diệm của đồng bào Hòa Hảo.

Để thấy rõ thêm những khía cạnh của sự kiện quan trọng này, chúng tôi lưu ý một tư liệu quý khác đó là *Điện của Anh Ba gửi BBT* (7/1955). Trong bức điện này, sau khi phân tích xung đột giữa chính quyền Ngô Đình Diệm và “các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên”, đồng chí Lê Duẩn đã đưa ra những nhận xét hết sức giá trị để Trung ương Đảng có những cơ sở bước đầu việc hoạch định chính sách tôn giáo thích hợp với cách mạng Miền Nam đang ở thời điểm khó khăn nhất. Ông viết: “Bọn Mỹ - Diệm quyết tâm tiêu diệt lực lượng quân sự của các giáo phái, như vậy cũng để làm cho quân đội của chúng trưởng thành thống nhất chặt chẽ dưới quyền chỉ huy của chúng để rồi gây chiến tranh với ta. Phe Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo hiện nay có những bất lợi... cần phải kêu gọi họ hợp tác với ta thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ đánh đổ Diệm đi đến thành lập chính phủ liên hiệp tán thành hòa bình dân chủ và thống nhất bằng Tổng tuyển cử”.

Ngoài những nhận định “chiến lược” như thế, Lê Duẩn cũng đưa thêm những nhận xét về “ứng xử riêng” với mỗi tôn giáo, ông nhấn mạnh: “...vạch cho họ thấy rõ khẩu hiệu chống Cộng sản là sai lầm, mắc mưu đế quốc; Vạch rõ sự yếu hèn của Mỹ - Diệm, khả năng đánh đổ âm mưu đó bằng sự đoàn kết giữa các đảng

11. Xem: *Báo cáo tình hình chung Nam Bộ*, tldđ, tr.27. Vấn đề “bộ đội Hòa Hảo”, sau này, những nghiên cứu gần đây của lịch sử quân sự cho thấy chúng ta đã thành công ít nhiều khi lôi cuốn được một bộ phận lực lượng quân sự này về với kháng chiến.

phái tôn giáo; Chống tư tưởng tự do độc tôn trong Cao Đài, Hòa Hảo muốn cho riêng giáo phái mình những tỉnh riêng, như vậy làm cho giữa các giáo phái, giữa các giáo phái với nhân dân không thể có sự hợp tác chặt chẽ; Riêng từng giáo phái không thể đảm đương nổi sự nghiệp của dân tộc và sẽ có nguy cơ bị đối phương của mình tiêu diệt...; *Cần nói rõ cho họ, vấn đề hợp tác giữa những người Cộng sản và tôn giáo là cần thiết và có lợi cho dân tộc, cho tôn giáo đã được chứng minh trong suốt 9 năm kháng chiến. Chính Ngô Đình Diệm mới bài trừ tôn giáo (ĐQH nhấn mạnh)...⁽¹²⁾.*

Điều thú vị là, những phân tích sâu sắc này của đồng chí Lê Duẩn một lần nữa lại được vận dụng trong điều kiện mới khi đất nước vừa thống nhất sau Đại thắng mùa Xuân 1975 lịch sử. Đó là bản *Dự thảo đường lối, chính sách của Đảng đối với công tác tôn giáo ở Miền Nam và phương hướng nhiệm vụ vận động quần chúng tôn giáo* ngày 28/02/1975...⁽¹³⁾

Chắc hẳn chúng ta còn phải tiếp tục nghiên cứu về những đóng góp như thế của đồng chí Lê Duẩn với trường hợp nhiều tôn giáo khác ở Nam Bộ. Bởi lẽ, dấu ấn của Lê Duẩn với nhiều nhân sĩ trí thức, các thủ lĩnh tôn giáo ở Nam Bộ là sâu sắc và lâu dài.

3. Vận dụng những “giá trị tôn giáo” để giải quyết vấn đề tôn giáo

Như đã nói ở phần trên, thời đại của Lê Duẩn là thời đại “của những thái cực”. Các cuộc chiến tranh và cách mạng gối nhau trên đất nước ta, lại đặt trong khung cảnh phong trào giải phóng dân tộc mà Việt Nam là một trong những nước đi đầu, sự giải thể chủ nghĩa thực

dân, nhưng bao quát và kéo dài là cục diện Chiến tranh lạnh.

Tất cả những điều này dẫn đến trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo thực không có mấy thuận lợi đối với những người Cộng sản. Chúng ta không cần phải nhắc lại thêm nữa thái độ chống Cộng của các thế lực đế quốc, thực dân trong vấn đề tôn giáo qua thái độ của Tòa Thánh. Có lẽ hiếm có nước nào trong các xã hội Châu Á mà những xung đột giữa Công giáo và Dân tộc, Công giáo và Cộng sản lại quyết liệt, dai dẳng như ở nước ta. Nhưng từ phía phong trào Cộng sản, công nhân quốc tế, phe xã hội chủ nghĩa cũng có những lí do, những sự kiện phổ biến ràng buộc. Những nguyên tắc tư tưởng lí luận nói trên của các nước xã hội chủ nghĩa về vấn đề tôn giáo đã được chúng ta khái quát ở phần trên, hơn thế nữa, mong muốn “chủ nghĩa vô thần phải trở thành hệ ý thức toàn xã hội” (Hiến pháp Liên Xô 1938, 1977) càng khiến cho những ý kiến như của Hồ Chí Minh năm 1946 trở nên vô cùng hi hữu, và khó có thể trở thành một khuynh hướng tư tưởng khi Người nói rằng, tất cả các đảng bậc từ Mác, Phật Thích Ca, Giêsu đến Tôn Dật Tiên đều có những điểm chung và đều là những người thầy của mình...⁽¹⁴⁾

Những năm đầu giải phóng, hơi thở của “tôn giáo Miền Nam” chủ yếu được

12. Xem: *Tiếp điện Anh Ba gửi BBT*, 7/1955, Lưu trữ của Viện Lịch sử Đảng, kí hiệu II3/3/55.1.

13. Xem văn bản này, Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng, 21/TWC.75.

14. Chúng tôi cũng không thấy cần phải nhắc lại nguyên văn câu “tuyên ngôn” nổi tiếng này của Hồ Chí Minh được ghi lại trong cuốn: *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, bản tiếng Trung, được in ở Thượng Hải, Trung Quốc, 1952, do Trương Nhiệm Thức thực hiện.

nhận biết qua tờ *Công giáo và Dân tộc*. Tờ báo nổi tiếng này, tờ báo duy nhất của giới tôn giáo được tiếp tục lưu hành từ sau khi Miền Nam giải phóng, thường xuyên có những bài viết, bài dịch về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, kể cả của phe xã hội chủ nghĩa, điều mà họ hết sức quan tâm. Tâm tư về “quyền tự do tôn giáo” dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là một trong những đòi hỏi sâu kín và bức xúc nhất của họ bên cạnh “cái nghèo”, “dân chủ” (theo ý kiến của Linh mục Chân Tín đầu năm 1976, khi lần đầu tiên ông được tham gia Đoàn Đại biểu Sài Gòn ra thăm Miền Bắc).

Trong bài viết *Những ý nghĩ sâu xa của người Cộng sản chân chính về tôn giáo của Người tín hữu*, sau khi đưa những ý kiến nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo, tác giả đã viết: “Tôi cũng được nghe nói là trong một hội nghị cán bộ ngày 13/01/1973, ông Tổng Bí thư Lê Duẩn đã có nói: ‘Chúng ta không nên nghĩ rằng ai đã theo tôn giáo thì nhất định chống lại Cộng sản. Sự thật không như vậy. Chúng ta phải thật sự tôn trọng tự do tín ngưỡng, đồng thời nói với người ta là vấn đề dân tộc giữa họ và ta là một: chúng ta lo cho dân tộc và chính Công giáo cũng lo cho dân tộc độc lập thực sự. Chúng ta nói với họ: ‘Nếu anh lo cho dân tộc thực sự thì giữa anh và tôi là một’. Họ có khác với ta về tư tưởng, điều đó hai bên đều tự do; còn họ với ta có những vấn đề chính trị giống nhau, là cùng nhau làm, cùng lo cho dân tộc độc lập thực sự. Tôi đã từng dùng Kinh Thánh để chứng minh rằng họ và ta có chỗ giống nhau...”⁽¹⁵⁾. Tác giả cũng đã đưa một số ý kiến của Nguyễn Văn Linh (Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí

Minh), Mai Chí Thọ (Chủ tịch Ủy ban Nhân dân), đặc biệt là ý kiến của Fidel và tôn giáo để đi đến khẳng định rằng, những người Cộng sản đích thực thấy đều “chân tình và chân lí, không dựa trên sự mỉa dân giả dối”...

Đồng chí Lê Duẩn không chỉ dừng những nhận thức của mình về tôn giáo trên phương diện “chính sách”, dù rằng điều đó vô cùng quan trọng. Với ông, tôn giáo có một thế giới mà những người Cộng sản cần để tâm, để công sức tìm hiểu sâu sắc hơn, trải nghiệm hơn.

Bài nói tại Hội nghị cải tiến Hợp tác xã ở Nam Định ngày 28/02/1963 là một trường hợp như thế. Đồng chí Tổng Bí thư tỏ ra hết sức sâu sát theo phong cách Bác Hồ, trước khi nói chuyện với Hội nghị đã xuống thực tế ở Hợp tác xã Thành An, thăm nhà đồng chí Chủ nhiệm Hợp tác xã là người Công giáo. Ông nhận xét: “Tôi không đồng tình khi thấy bàn thờ Chúa của gia đình đồng chí ấy sơ sài quá. Tôi có bảo với đồng chí Chủ nhiệm ấy rằng, làm như vậy là không đúng. Đồng chí sẽ không được sự tín nhiệm đầy đủ của đồng bào Thiên Chúa giáo, vì có người sẽ hiểu lầm đồng chí cũng như chính sách của Đảng và Chính phủ đối với tín ngưỡng của giáo dân...”

Trong bài phát biểu ấy, đồng chí Lê Duẩn còn phân tích sâu sắc hơn, hiếm thấy trong các văn bản tương đồng của những nhân vật lãnh đạo Đảng ta ở thời điểm ấy: “Chủ nghĩa Cộng sản đem lại hạnh phúc cho tất cả nhân dân giáo cũng

15. Xem: “*Những ý nghĩ sâu xa của những người cộng sản chân chính về tôn giáo*”, *Công giáo và Dân tộc*, số kỉ niệm 65 năm Cách mạng tháng Mười, 9/11/1986.

như lương. Hạnh phúc đối với đồng bào Thiên Chúa giáo là cơm ăn áo mặc, là tự do tín ngưỡng. Tín ngưỡng là một thứ hạnh phúc đối với đồng bào Thiên chúa giáo, chúng ta tôn trọng và bảo đảm cho đồng bào có hạnh phúc ấy. Chúng ta đảm bảo cả hạnh phúc về vật chất lẫn tinh thần cho đồng bào Thiên Chúa giáo. Nếu đồng bào Thiên Chúa giáo được ăn no, mặc ấm mà đêm nằm vẫn cảm thấy day dứt lo sợ, tâm hồn không thoải mái, phấn khởi thì còn đâu là hạnh phúc nữa...⁽¹⁶⁾

Lê Duẩn còn tỏ ra hiểu biết sâu sắc tâm lí, tình cảm tôn giáo của họ. Ông đề tâm cả đến việc đồng bào Công giáo “khi đọc Kinh buổi sáng, thường cầu nguyện: ‘Lạy Chúa cho chúng tôi hàng ngày dùng đủ’. Ông suy tư, ‘hàng ngày dùng đủ’, điều mong ước trước tiên ấy của đồng bào cũng là mong muốn của Đảng và nhân dân ta, với người Công giáo nó luôn đi liền với việc ‘được tự do thờ Chúa mà không bị đói rét dầy vò’⁽¹⁷⁾.

Những tư liệu quý báu như thế của Lê Duẩn với người Công giáo thật có sức sống và ảnh hưởng khá lâu dài. Trong một bài viết nghiên cứu về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, đăng tải trên *Công giáo và Dân tộc*, người viết đã nhắc lại sự kiện này dù không đầy đủ, đã ghi nhận: “Trong khi đế quốc Mỹ dùng không quân đánh phá ác liệt Miền Bắc, đồng chí Tổng Bí thư đã về đến Thánh Phú Nhai (địa phận Bùi Chu), tỉnh Hà Nam Ninh thăm hỏi và động viên xã viên một hợp tác xã nông nghiệp nơi Công giáo toàn tòng đầu tiên ở Miền Bắc

đạt 8 tấn/ha cả năm. Cán bộ và giáo dân nơi đây đã ghi sâu lòng biết ơn, sự chăm sóc của Đảng và đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến”⁽¹⁸⁾.

Kết luận

Bài viết này của chúng tôi, nhân dịp kỉ niệm 100 năm ngày sinh của đồng chí Lê Duẩn, ở góc độ nhận thức thái độ, tình cảm của ông với tôn giáo và vấn đề tôn giáo. Ít nhất thì, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo là một di sản quý báu và độc đáo của Đảng ta trong bối cảnh phức tạp của thế kỉ XX, trong đó những học trò xuất sắc nhất của Người như trường hợp Tổng Bí thư Lê Duẩn cũng có những đóng góp riêng, độc đáo của mình về một “thế giới tôn giáo”.

Trên con đường “hoàn thiện chính sách đối mới” về tôn giáo của Đảng và Nhà nước hôm nay, theo tinh thần của Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI vừa qua, những kinh nghiệm của Lê Duẩn cần phải được tiếp tục nghiên cứu, khai thác./.

16. Lê Duẩn, *Phải chấp hành đúng chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Chính phủ*, bài nói tại Hội nghị trên, trong *Lê Duẩn tuyển tập*, tập 1, sdd, tr. 687-688.

17. Lê Duẩn, *Phải chấp hành đúng chính sách...*, tldđ, tr. 689. Câu Kinh mà Lê Duẩn dẫn vốn trong bản *Kinh lạy Cha*, bộ Kinh cơ bản bậc nhất của người Công giáo, được dùng hàng ngày. Hiện nay người Công giáo đã có bản dịch chuẩn xác hơn.

18. Xem: Việt Tùng, *Chính sách tôn giáo có từ bao giờ?*, Công giáo và Dân tộc, số 774, ra ngày 5/8/1984.